

Bản án số: **65/2020/DS-ST**

Ngày: 02 - 10 - 2020.

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiếu.

Bà Võ Thị Mai.

- **Thư ký phiên Tòa:** Bà Đinh Quốc Hiếu – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2020/TLST – DS ngày 27 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Nguyễn Ngọc B**, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã D, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của chị B: **Chị Trần Thị Ngọc N**, sinh năm 1992, địa chỉ **hiện ở:** ấp C, xã A, thành phố T, tỉnh Bến Tre là người đại diện theo ủy quyền của chị B. (Văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 7 năm 2020) (chị N có mặt).

- **Bị đơn:** **1. Huỳnh Thị B**, sinh năm 1970 (Có mặt)

2. Nguyễn Thanh T, sinh năm 1965 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp K, xã L, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của anh T: **Chị Huỳnh Thị B**, sinh năm 1970, là người đại diện theo ủy quyền của anh T. (Văn bản ủy quyền ngày 11 tháng 8 năm 2020) (chị B có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ô Quang H, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã D, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Anh H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 09/9/2020.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/7/2019, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của chị Nguyễn Ngọc B và trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị Ngọc N là người đại diện của chị B trình bày:*

Ngày 26/12/2016 chị có cho vợ chồng chị Huỳnh Thị B và anh Nguyễn Thanh T vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 4.500.000 đồng/tháng và có ra Văn phòng công chứng Bình Đại địa điểm xã Châu Hưng làm hợp đồng vay có thể chấp quyền sử dụng đất, cụ thể là chị B, anh T đưa cho bên chị giữ 01 Bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Số CC 006424 cấp cho chị Huỳnh Thị B tại thửa 391, tờ bản đồ số 11, diện tích 920.6m² xã Phú Long cấp ngày 01/10/2015 theo sổ vào sổ cấp GCN: CH03162. Thời hạn vay 12 tháng, nhưng nếu chị B, anh T có đủ tiền trả lại cho chị B thì được quyền lấy lại sổ đỏ bất cứ lúc nào. Mục đích vay làm gì thì chị không biết vì không có hỏi.

Trong quá trình thực hiện vợ chồng chị B chỉ đóng lãi được 04 tháng và từ ngày 26/5/2017 đến nay ngưng không đóng lãi cũng như trả vốn gốc.

Vì vậy, nay chị khởi kiện yêu cầu chị B, anh T phải có nghĩa vụ trả cho chị số tiền vay vốn gốc 150.000.000 đồng. Nếu trả ngay một lần thì không tính lãi, còn không thì chị yêu cầu tính lãi từ ngày 26/5/2017 (*chứ không phải ngày 26/4/2017 vì nay chị xác định chị B đóng lãi cho chị được 04 tháng là từ ngày 26/12/2016 đến ngày 26/4/2017*) đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án theo mức lãi suất quy định pháp luật là 20%/năm.

Khi nào chị B, anh T trả đủ cho chị B số nợ nêu trên thì chị tự nguyện đồng ý giao trả lại cho chị B, anh T 01 Bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đã thế chấp cho chị.

*** Tại phiên Tòa**, nguyên đơn yêu cầu trả vốn gốc 150.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 26/5/2017 đến ngày 26/9/2020 (tính tròn 40 tháng), nên:

150.000.000 đồng x 40 tháng x 20%/năm = 100.000.000 đồng.

Tổng cộng vốn và lãi là: 150.000.000đ + 100.000.000 đồng = 250.000.000 đồng.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/9/2020 đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ô Quang H trình bày:*

Anh là chồng của chị B nhưng số tiền 150.000.000 đồng là tiền của chị B vay của người khác để cho chị B, anh T vay lại chứ không phải của vợ chồng, nên hợp đồng vay tiền chỉ có chị B đứng ra ký tên giao dịch và sau khi làm hợp đồng vay tiền xong thì chị B chỉ nhờ anh giao tiền 150.000.000đ dùm cho chị B. Vì vậy, số tiền 150.000.000 đồng này không liên quan gì đến anh, nên trong vụ án anh không có yêu cầu gì và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Huỳnh Thị B và anh Nguyễn Thanh T trình bày:*

Qua yêu cầu khởi kiện của chị B thì chị B và anh T thừa nhận còn nợ chị B 150.000.000 đồng mặc dù thực tế chỉ nhận 117.000.000 đồng và chị B, anh T vẫn đồng ý trả vốn gốc 150.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hoàn tất số nợ vốn gốc 150.000.000 đồng. Khi nào anh và chị trả đủ 150.000.000 đồng thì chị B trả lại sổ đỏ cho chị B, anh T.

Đối với phần tiền lãi thì xin bớt không trả do hoàn cảnh kinh tế đang khó khăn không trả vốn gốc nổi lấy đâu trả được tiền lãi. Nếu chị B không bớt lãi mà vẫn tính thì chị B và anh T chỉ đồng ý trả 117.000.000 đồng chứ không phải 150.000.000 đồng, vì thực tế nhận bao nhiêu thì trả bấy nhiêu.

*** Tại phiên Tòa**, phía nguyên đơn vẫn yêu cầu tính lãi suất nhưng chị B và anh T chấp nhận đồng ý trả vốn gốc 150.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hoàn tất chứ không phải trả 117.000.000 đồng như lời trình bày trước đây.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:*

- Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tuân theo đúng quy định của pháp luật. **Riêng anh H vắng mặt** nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên không đặt vấn đề vi phạm nghĩa vụ.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B, để buộc anh T và chị B có nghĩa vụ liên đới trả cho chị B số tiền nợ vay vốn gốc 150.000.000 đồng và trả tiền lãi theo quy định 20%/năm từ ngày vi phạm nghĩa vụ ngày 26/5/2007 đến ngày 26/9/2020 và ghi nhận nguyên đơn đồng ý tự nguyện khấu trừ phần tiền lãi bị đơn đã đóng cao hơn so với quy định vào phần tiền lãi bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn, bởi vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật, tại phiên Tòa bị đơn cũng thừa nhận có nợ và đồng ý trả nhưng chỉ xin trả dần và bớt không tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ô Quang H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh là phù hợp quy định tại **khoản 1 Điều 228** của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:*

Chị B khởi kiện yêu cầu chị B, anh T trả số tiền nợ vay là 150.000.000 đồng và tính lãi theo quy định. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại **Điều 463** của Bộ luật dân sự năm 2015 và **khoản 3 Điều 26** của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Theo Đơn xác nhận ngày 15/7/2019 của Công an xã Phú Long, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xác nhận chị B, anh T có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại ấp Giồng Kiên, xã Phú Long, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[4]. **Đối** với các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, nên Hội đồng xét xử công bố công khai tại phiên Tòa là phù hợp với quy định tại **Điều 254** của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

[5]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị B buộc chị B và anh T liên đới trả số tiền nợ vay là 150.000.000 đồng.

Cơ sở chứng cứ:

+ Hợp đồng vay tiền có thể chấp Quyền sử dụng đất đề ngày 26/12/2016.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa đều xác định giữa chị với vợ chồng chị B, anh T có giao dịch vay tiền với nhau và số nợ chị B, anh T còn nợ chị là 150.00.000 đồng cho đến nay chưa trả. Đồng thời chị B, anh T có thể chấp cho chị B 01 Bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất do chị Huỳnh Thị B đứng tên. Thời hạn vay 12 tháng, nhưng nếu chị B, anh T có đủ tiền trả lại thì được quyền lấy lại sổ đỏ bất cứ lúc nào.

Chị B, anh T thừa nhận có giao dịch vay tiền như chị B trình bày là đúng có vay số tiền 150.000.000 đồng và chữ ký trong hợp đồng vay tiền đúng là của anh chị.

Lời thừa nhận này là tự nguyện, phù hợp với lời khai của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án, cụ thể là Hợp đồng vay tiền có thể chấp Quyền sử dụng đất đề ngày 26/12/2016. Căn cứ vào **khoản 2 Điều 92** của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và công nhận sự thật nêu trên.

Tuy nhiên, chị B và anh T cho rằng thực tế chỉ nhận 117.000.000 đồng do anh H (chồng chị B) giao tại nhà chị B vì bị trừ lại 33.000.000 đồng tiền nợ của anh T do cá độ bóng đá thua anh H.

Nên: 150.000.000 đồng - 33.000.000 đồng = 117.000.000 đồng, có anh Kiều Văn P biết sự việc này.

- Ngoài ra, chị B đã cùng chị B đi đến tại Quỹ tín dụng xã Phú Long và đưa 50.000.000 đồng cho chị B để trả vào Quỹ tín dụng (do chị B vay trước đó) để chuộc sổ đỏ

đưa cho chị B vay được 150.000.000 đồng của chị B và số tiền này được tính chung vô số nợ vay 150.000.000 đồng, nên thực tế tiền mặt chỉ nhận được 67.000.000 đồng.

Tuy nhiên, chị B, anh H không thừa nhận có sự việc trừ nợ của anh H mà vẫn khẳng định cho vay và đưa tiền cho chị B, anh T là 150.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền có chữ ký của chị B và anh T và anh H không liên quan gì đến số tiền 150.000.000 đồng này, anh chỉ là người giao tiền dùm cho chị B, nên hợp đồng chỉ có chị B đứng ra giao dịch.

Nay chị B, anh T phản đối qua yêu cầu khởi kiện của chị B thì phải đưa ra chứng cứ chứng minh cho sự phản đối đó theo quy định tại **khoản 2 Điều 91** của Bộ luật tố tụng dân sự. Và chứng cứ chị B, anh T đưa ra chứng minh là có người làm chứng anh Kiều Văn P và xác minh tại Quỹ tín dụng xã Phú Long.

Tuy nhiên, theo lời khai của anh Kiều Văn P (Bút lục 54 - 58) và biên bản xác minh tại Quỹ tín dụng xã Phú Long (Bút lục 83 - 84) cũng chưa có đủ cơ sở pháp lý để xác định thực tế chị B và anh T chỉ nhận có 117.000.000 đồng mà theo chứng cứ trong hồ sơ thể hiện chị B, anh T vay 150.000.000 đồng, có hợp đồng vay tiền, vợ chồng chị B cũng thừa nhận có vay 150.000.000 đồng và chữ ký trong hợp đồng đúng là của anh chị nên căn cứ quy định tại **khoản 4 Điều 91** của Bộ luật tố tụng dân sự, có cơ sở để xác định được chị B và anh T có vay của chị B 150.000.000 đồng, hợp đồng vay được 02 bên thiết lập trên tinh thần tự nguyện, có làm hợp đồng được công chứng, chứng thực, hợp đồng vay tiền có cả chị B, anh T cùng ký tên trực tiếp tham gia giao dịch dân sự và thực tế giữa anh T và chị B là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn (Theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương ngày 18/9/2020), mục đích vay để có tiền xoay sở choàng hui do chị B là lao động chính trong gia đình, chị làm chủ hui kiếm tiền huê hồng để lo chi tiêu sinh hoạt trong gia đình nhưng lại bị hui viên giựt hui và một phần để phụ trả nợ cho anh T, nay anh T đồng ý cùng liên đới trả nợ với chị B.

Theo hợp đồng vay có thỏa thuận lãi suất và thời gian trả là 12 tháng, nên được xem là Hợp đồng vay có kỳ hạn **có lãi** theo quy định tại **Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015**. Như vậy, chị B, anh T đã sử dụng hết quyền nhận tài sản, nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả vốn và lãi đầy đủ cho chị B khi **đến thời hạn trả nợ**, nên nay chị khởi kiện yêu cầu chị B, anh T có nghĩa vụ liên đới trả số nợ vay 150.000.000 đồng.

Nay tại phiên tòa, chị B và anh T cũng đồng ý trả 150.000.000 đồng chứ không phải trả 117.000.000 đồng như lời trình bày trước đây là thực tế nhận bao nhiêu thì trả bấy nhiêu, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị B là có cơ sở và phù hợp với quy định tại **Điều 463, 466, 470** của Bộ luật dân sự năm 2015; **Điều 27, 30, khoản 1 Điều 37** của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Đối với yêu cầu tính lãi suất:

Chị B yêu cầu chị B, anh T trả ngay một lần vốn gốc 150.000.000 đồng thì không tính lãi nhưng không được chị B, anh T đồng ý. Vì vậy, chị B yêu cầu tính lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ ngày 26/5/2017 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ

án (tính tròn đến ngày 26/9/2020) theo mức lãi suất quy định pháp luật là 20%/năm.

Chị B, anh T xin bớt không trả lãi, chỉ trả vốn gốc do hoàn cảnh kinh tế đang khó khăn nhưng không được chị B đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cả 02 bên đều thống nhất chị B, anh T đóng lãi được 04 tháng với mức lãi suất 3%/tháng, tính từ ngày 26/12/2016 đến ngày 26/4/2017 nên nay chị B yêu cầu tính lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ là ngày 26/5/2017 với mức lãi suất chị B yêu cầu lại là 20%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của **Bộ luật dân sự năm 2015**, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể:

+ Từ ngày 26/5/2017 đến ngày 26/9/2020 (40 tháng) nên số tiền lãi là:
 $150.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ tháng} \times 20\%/\text{năm} = 100.000.000 \text{ đồng}.$

Như vậy, tổng cộng vốn và lãi là: $150.000.000 \text{ đồng} + 100.000.000 \text{ đồng} = 250.000.000 \text{ đồng}.$

- Tuy nhiên tại phiên Tòa, nguyên đơn đồng ý tự nguyện khấu trừ phần tiền lãi bị đơn đã đóng cao hơn so với lãi suất quy định và bị đơn cũng thống nhất nên ghi nhận. Cụ thể:

+ Số tiền lãi chị B, anh T đã đóng được 04 tháng theo mức lãi suất 3%/tháng với số tiền 18.000.000 được tính lại theo quy định là:

$04 \text{ tháng} \times 150.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} = 10.000.000 \text{ đồng}.$

Nên: $18.000.000 \text{ đồng} - 10.000.000 \text{ đồng} = 8.000.000 \text{ đồng}.$

Do đó: $100.000.000 \text{ đồng} - 8.000.000 \text{ đồng} = 92.000.000 \text{ đồng}.$

Nên chị B, anh T phải trả vốn gốc và lãi là: $150.000.000 \text{ đồng} + 92.000.000 \text{ đồng} = 242.000.000 \text{ đồng}.$

[7]. Xét yêu cầu xin trả dần của chị B và anh T:

Chị B, anh T xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hoàn tất số nợ vốn gốc 150.000.000 đồng nhưng không được chị B đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy, đây là sự thỏa thuận của các đương sự tại giai đoạn thi hành án, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[8]. Cả chị B với chị B và anh T đều thống nhất khi nào chị B và anh T trả đủ tiền nợ cho chị B, thì chị B tự nguyện đồng ý giao trả lại cho chị B và anh T 01 Bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Số CC 006424 cấp cho chị Huỳnh Thị B tại thửa 391, tờ bản đồ số 11, diện tích 920.6m² xã Phú Long cấp ngày 01/10/2015 theo sổ vào sổ cấp GCN: CH03162, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9]. *Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại về quan điểm giải quyết vụ án:* phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10]. *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; **khoản 2 Điều 26** của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của chị B được chấp nhận toàn bộ, nên chị B và anh T phải chịu án phí của số tiền 242.000.000 đồng là:

242.000.000 đồng x 5% = 12.100.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 27, 30; **khoản 1** Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; **Điều 254; khoản 2, khoản 4 Điều 91; khoản 2** Điều 92; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc B đối với chị Huỳnh Thị B và anh Nguyễn Thanh T về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”.

2. Buộc chị Huỳnh Thị B và anh Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Ngọc B số tiền nợ vay là 242.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi hai triệu đồng), trong đó vốn gốc: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi: 92.000.000 đồng (Chín mươi hai triệu đồng).

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận khi nào chị Huỳnh Thị B và anh Nguyễn Thanh T trả đủ số tiền nợ nêu trên thì chị Nguyễn Ngọc B có nghĩa vụ giao trả lại cho chị Huỳnh Thị B và anh Nguyễn Thanh T 01 Bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Số CC 006424 cấp cho chị Huỳnh Thị B tại thửa 391, tờ bản đồ số 11, diện tích 920.6m² xã Phú Long cấp ngày 01/10/2015 theo số vào sổ cấp GCN: CH03162.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Chị Huỳnh Thị B và anh Nguyễn Thanh T phải liên đới chịu là 12.100.000 đồng (Mười hai triệu một trăm nghìn đồng).

Chị Nguyễn Ngọc B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.787.500 đồng (Sáu triệu bảy trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0000583 ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với anh Ô Quang H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên